

Đánh giá một số rào cản phát triển khởi nghiệp xanh tại Việt Nam hiện nay

TRỊNH THỊ NHUẬN*

Tóm tắt

Khởi nghiệp xanh (KNX) đang thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách, doanh nhân cũng như các nhà nghiên cứu trên thế giới. KNX được xem xét là một lĩnh vực cần thiết để chuyển đổi theo hướng làm cho xã hội trở nên bền vững hơn. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu dựa trên các dữ liệu thứ cấp, tác giả đã hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận về KNX, một số rào cản phát triển KNX và đề xuất kiến nghị phát triển KNX ở Việt Nam hiện nay, dưới cách tiếp cận đánh giá thông qua một số yếu tố cấu thành trong hệ sinh thái khởi nghiệp.

Từ khóa: khởi nghiệp xanh, khởi nghiệp bền vững, tiêu dùng xanh

Summary

Green entrepreneurship is attracting more and more attention from policymakers, entrepreneurs as well as researchers from all four corners of the world. Green entrepreneurship is essential making society more sustainable. By qualitative method with secondary data, the author systematizes theoretical basis on green entrepreneurship, barriers to green entrepreneurship, and then proposes recommendations for promoting green entrepreneurship in Vietnam from the components of startup ecosystem.

Keywords: green entrepreneurship, sustainable entrepreneurship, green consumption

GIỚI THIỆU

Nền kinh tế xanh đóng vai trò là con đường cải thiện chất lượng của cuộc sống, xóa đói giảm nghèo và thiết lập sự phát triển bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, để đạt được nền kinh tế xanh, KNX được công nhận là cần thiết để chuyển đổi theo hướng làm cho xã hội trở nên bền vững hơn. Tại Việt Nam, Chiến lược Quốc gia về “tăng trưởng xanh” đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt và ban hành ngày 25/09/2012. Tuy nhiên, KNX ở Việt Nam còn gặp nhiều thách thức, như: các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc thúc đẩy KNX còn hạn chế, khó khăn trong việc huy động tài chính, cơ sở hạ tầng cũng như giải quyết mối quan hệ giữa lợi nhuận và tăng trưởng xanh. Do đó, việc đánh giá một số rào cản phát triển KNX ở Việt Nam là cần thiết; từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển các mô hình kinh doanh và KNX ở Việt Nam.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Khởi nghiệp xanh

Các khái niệm về KNX đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến theo những tên gọi khác nhau, như: green entrepreneurship, enviropreneurship, ecological entrepreneurship, and eco-capitalism... Berle (1991) cho rằng, KNX là các cơ hội kinh doanh vừa hướng đến không gây hại cho môi trường, vừa vẫn đảm bảo mang lại nguồn lợi nhuận. Các định hướng thực tế liên quan đến việc thực hiện các dự án, như: tái chế, bảo tồn thiên nhiên, năng lượng tái tạo... Khái niệm về KNX đã nổi lên trong bối cảnh nền kinh tế xanh nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của thị trường và thúc đẩy phúc lợi xã hội thông qua việc khai thác các cơ hội kinh doanh có trách nhiệm với môi trường (Meek, Pacheco, York, 2010).

Hệ sinh thái khởi nghiệp

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - OECD (2013) định nghĩa, hệ sinh thái khởi nghiệp là tổng hợp các mối liên kết chính thức và phi chính thức giữa các chủ thể khởi nghiệp (tiềm năng hoặc hiện tại), tổ chức khởi nghiệp (công ty, nhà đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, hệ thống ngân hàng...) và các cơ quan liên

* Trường Đại học Thương mại

Ngày nhận bài: 25/4/2022; Ngày phản biện: 14/5/2022; Ngày duyệt đăng: 22/5/2022

quan (trường đại học, các cơ quan nhà nước, các quỹ đầu tư công...) và tiến trình khởi nghiệp (tỷ lệ thành lập doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng tốt, số lượng các nhà khởi nghiệp...) tác động trực tiếp đến môi trường khởi nghiệp tại địa phương.

Các yếu tố cấu thành của hệ sinh thái khởi nghiệp theo tiếp cận của nghiên cứu khởi nghiệp toàn cầu (Global Entrepreneur Monitor) GEM (2018) gồm các yếu tố: Chính sách của Chính phủ; Quy định của Chính phủ; Chương trình hỗ trợ của Chính phủ; Năng động của thị trường nội địa; Độ mở của thị trường nội địa; Văn hóa và chuẩn mực xã hội; Cơ sở hạ tầng; Chuyển giao công nghệ; Giáo dục kinh doanh bậc phổ thông; Giáo dục kinh doanh sau phổ thông; Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; Tài chính cho kinh doanh.

Rào cản đối với khởi nghiệp xanh

Theo Newton (2005), các rào cản chính đối với việc phát triển tinh thần KNX hoặc các mô hình kinh doanh sinh thái bao gồm: Việc thiếu vắng các hệ thống văn bản quy định pháp lý chặt chẽ; Các điều kiện về mặt môi trường còn mang tính bất lợi; Sự phản kháng từ người tiêu dùng tiềm năng; Nhận thức từ người tiêu dùng; Các sản phẩm thay thế; Các vấn đề về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm KNX chưa có hiệu quả.

Nghiên cứu của Fulvia (2011) cho thấy, các doanh nghiệp KNX gặp khó khăn liên quan đến môi trường pháp lý, như: cam kết không ổn định từ khu vực công do những thay đổi hàng ngày trong chính trị và vận động hành lang, khó khăn trong cải tiến công nghệ. Ngoài ra, một thách thức lớn còn liên quan đến việc huy động vốn cho các doanh nhân trong lĩnh vực KNX (Pastakia, 1998).

Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, tác giả chỉ đánh giá những rào cản phát triển KNX tập trung góc nhìn vào các yếu tố cấu thành trong hệ sinh thái bao gồm: Các chính sách và sự hỗ trợ của Chính phủ; Cơ sở hạ tầng; Thị trường; Khả năng tiếp cận tài chính...

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua nghiên cứu các dữ liệu thứ cấp. Các dữ liệu cần thiết được sử dụng từ các bài nghiên cứu từ các tạp chí nằm trong danh mục các tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu ISI, SCOPUS, Web of Science... Một số dữ liệu thứ cấp khác được thu thập từ một số website, bài báo khoa học trên một số tạp chí uy tín, báo cáo thường niên tại Việt Nam... Các dữ liệu được tiếp cận trong khoảng thời gian từ 2015 đến nay.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng gay gắt, mỗi một hoạt động kinh doanh hay một doanh nghiệp bất kỳ đều chịu sự tác động của nhiều yếu tố tác động bên ngoài và bên trong doanh nghiệp, như: môi trường pháp lý, chính sách hỗ trợ, các điều kiện về thị trường, khả năng tiếp cận tài chính, khoa học công nghệ kỹ thuật, năng lực của nhân sự, văn hóa kinh doanh... Dưới đây là một số đánh giá về các yếu tố rào cản tác động đến khởi nghiệp xanh tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, cơ chế, chính sách của Chính phủ hỗ trợ KNX

Trong những năm qua, Việt Nam đã có một số quy định, chính sách và văn bản về hỗ trợ tăng trưởng xanh nói chung, các chương trình hỗ trợ và khuyến khích các mô hình kinh doanh bền vững, bảo vệ môi trường, như: Quyết định số 1393/QĐ-TTg, ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 403/QĐ-TTg, ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 1658/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050... Bên cạnh đó, đã có nhiều nội dung, văn bản có liên quan đến mua sắm xanh, sản xuất xanh, mua sắm bền vững, thân thiện với môi trường... Tuy nhiên, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước hiện nay mới chỉ dừng lại ở tính chất hỗ trợ, còn thiếu cơ chế chính sách rõ ràng dành riêng cho kinh doanh và KNX, chưa có đủ công cụ điều chỉnh mạnh mẽ hành vi người tiêu dùng để hướng tới thuận lợi cho các dự án KNX phát triển. Không những thế, một trong những lý do các doanh nghiệp còn chưa mặn mà là khi tham gia vào các dự án xanh, đó là các doanh nghiệp phải cung cấp nhiều loại giấy tờ liên quan.

Thứ hai, việc tiếp cận các nguồn tài chính cho KNX

Trong thời gian qua, đã có một số chính sách được ban hành và các cơ chế, chính sách về tín dụng dành cho lĩnh vực KNX được hình thành. Các chủ thể KNX có cơ hội tiếp cận một số chương trình hỗ trợ tài chính, có thể thông qua tiếp cận tín dụng từ quỹ bảo vệ môi trường hoặc phát triển tín dụng xanh từ các ngân hàng thương mại trong cả nước. Bên cạnh đó, Quỹ KNX được thành lập ngày 22/4/2019 là một quỹ chuyên biệt, phi lợi nhuận, nhằm mục đích hỗ trợ, tài trợ, chung tay góp sức vì các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế xanh, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam và bền vững. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp tiếp cận được theo cơ chế chính sách về phát triển tín dụng xanh do các hệ thống ngân hàng, cũng như các quỹ triển khai chưa nhiều. Số liệu từ Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước (2015-2019) cho thấy, dư nợ

tín dụng xanh có xu hướng tăng đều qua các năm. Tính đến cuối tháng 6/2019, dư nợ tín dụng xanh đã đạt 317.600 tỷ đồng, tăng 29% so với thời điểm cuối năm 2018. Mặc dù dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam có xu hướng tăng nhanh theo từng năm, nhưng quy mô dư nợ vẫn tương đối nhỏ so với tổng tín dụng hệ thống, năm 2019 chỉ chiếm 4,1% (Hình).

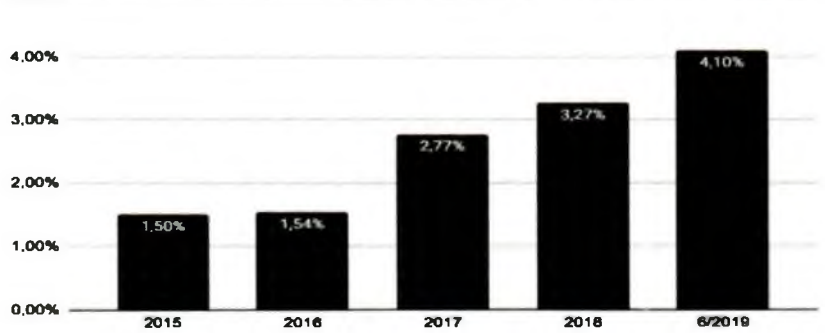
Ngoài ra, các dự án xanh nói chung và các dự án KNX nói riêng được xem là lĩnh vực được ưu tiên cho vay vốn. Tuy nhiên, trên thực tế lãi suất cho vay đối với các dự án xanh về cơ bản vẫn chưa có sự khác biệt với các khoản vay khác của ngân hàng. Mức lãi suất ngắn hạn dao động trong khoảng 6,2%-9,4%/năm, các khoản vay trung dài hạn khoảng 9,4%-11,4%/năm (Hoài Linh và cộng sự, 2021).

Lĩnh vực KNX vẫn còn tồn tại những khó khăn, như: cơ chế ưu đãi còn chưa rõ ràng, chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn bị kéo dài, rủi ro thị trường cao, dễ phát sinh thêm chi phí đầu tư..., do các dự án xanh đa phần là trung và dài hạn, trong khi nguồn vốn huy động của các ngân hàng đa phần là ngắn và trung hạn. Bên cạnh đó, các ngành nghề liên quan đến KNX có những ngành nghề mới, như: điện mặt trời, điện gió, điện rác... cùng với việc các cơ chế, chính sách hiện tại chưa đủ hấp dẫn để có thể thu hút vốn từ các ngân hàng. Vì vậy, lãi suất cho các dự án xanh vẫn chưa có được sự ưu đãi tốt nhất, chưa thể giảm nhiều so với các lĩnh vực khác. Đồng thời, các dự án KNX trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài, chưa có khả năng sinh lợi nhanh.

Thứ ba, thách thức về cơ sở hạ tầng trong phát triển KNX

Cơ sở hạ tầng (CSHT) đóng vai trò trụ cột mang tốc độ tăng trưởng ấn tượng của Việt Nam trong hai thập kỷ qua. Theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2016-2017, Việt Nam đứng thứ 79 trên 138 quốc gia về chất lượng CSHT tổng thể. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế nhanh chóng cùng việc đẩy mạnh quá trình đô thị hóa đang ngày càng tạo ra nhiều áp lực đối với CSHT của Việt Nam... Với một số dự án KNX về các lĩnh vực, như: đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, lĩnh vực vận tải phát thải các bon thấp, lĩnh vực quản lý nước bền vững hay quản lý chất thải bền vững..., là những lĩnh vực khởi nghiệp nổi bật đòi hỏi CSHT phải thực sự hoàn thiện.

HÌNH: TỶ TRỌNG DƯ NỢ TÍN DỤNG XANH TRONG TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG



Nguồn: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước (2015-2019)

Thứ tư, thách thức trong việc thay đổi nhận thức và hành vi tiêu dùng trên thị trường

Theo kết quả Báo cáo chỉ số khởi nghiệp toàn cầu GEM (2017/2018), xét về sự năng động của thị trường nội địa có thể thấy thị trường Việt Nam ngày càng sôi động và phát triển, tạo ra nhiều cơ hội mới cho các chủ thể khởi nghiệp. Tuy nhiên, độ mở của thị trường còn ở mức khiêm tốn với số điểm là 2,79, nhưng cũng khá tích cực khi đứng thứ 12/54 quốc gia. Mặc dù thị trường có được sự năng động và hướng mở nhất định, song những thách thức từ cộng đồng đối với các sản phẩm KNX là khá lớn. Sự quan tâm và nhận thức của đại đa số người tiêu dùng của Việt Nam đối với các sản phẩm xanh và thân thiện với môi trường còn chưa cao. Việc nhận biết đối với các sản phẩm dán nhãn sinh thái chưa phổ biến và còn nhiều điểm chưa rõ đối với người tiêu dùng Việt Nam. Mặc dù xu hướng tiêu dùng xanh trong những năm gần đây đã xuất hiện, nhưng xu hướng đó chưa thực sự mạnh mẽ, còn mang tính đơn lẻ...

Thứ năm, về văn hóa và chuẩn mức xã hội

Nghiên cứu của Minh Thương (2020), trong một cuộc khảo sát 820 người dân có hộ khẩu thường trú tại TP. Huế từ tháng 12/2019 đến tháng 5/2020 cho thấy, 100% người dân có sử dụng đồ nhựa dùng một lần hàng ngày, trong đó, túi nilon chiếm tỷ lệ cao nhất (92,8%). Trung bình mỗi hộ gia đình sử dụng khoảng 5,3 túi nilon/ngày. Với thói quen sử dụng nhiều sản phẩm nhựa, nilon như vậy các doanh nghiệp xanh gặp khó khăn trong việc tiếp cận những tập khách hàng đã quen với việc không tiêu dùng những sản phẩm xanh. Ngoài ra, hiện nay Việt Nam chưa có cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh xanh, kinh doanh bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Vì vậy, các bên liên quan, như: khách hàng hoặc nhà đầu tư, đối tác kinh doanh đôi khi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác. Việc thiếu vắng cơ sở dữ liệu một phần là do chưa nhiều các công cụ, tổ chức tiến hành đo lường sự tác động tới môi trường, xã hội của doanh nghiệp. Việc thiếu vắng các cơ chế, tổ chức uy tín công nhận cũng khiến các doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh xanh và bền vững chưa lan tỏa được rộng rãi trong cộng đồng, khách hàng chưa có đủ niềm tin để đón nhận đối với một số sản phẩm xanh hóa.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu cho thấy, các hỗ trợ từ Chính phủ, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, CSHT tuy đã góp phần thúc đẩy nhanh hơn và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp khi áp dụng các mô hình kinh doanh xanh. Tuy nhiên, những chính sách, chương trình còn chưa đáp ứng được tốt nhất nhu cầu của doanh nghiệp và cá nhân tham gia mô hình KNX. Trong khi đó, để các doanh nghiệp ứng dụng thành công các mô hình KNX, thì cần phải có sự vào cuộc và hỗ trợ mạnh mẽ, cần phải có một cách tiếp cận hệ thống để thúc đẩy về chính sách, pháp lý, CSHT và cả vốn cho KNX, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần phát triển cơ chế, chính sách và CSHT riêng cho KNX. Trách nhiệm của mỗi quốc gia bao gồm việc phát triển thể chế, chính sách và CSHT để tạo ra môi trường thuận lợi nhằm khuyến khích và thúc đẩy cần thiết cho các cá nhân, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp để đổi mới và tạo ra giá trị. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước cũng cần tham gia vào vai trò hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học và các trung tâm để nghiên cứu về KNX và đổi mới hệ sinh thái KNX. Các kết quả nghiên cứu và đổi mới có thể được đưa vào triển khai và ứng dụng trong các doanh nghiệp để áp dụng và chuyển đổi những ý tưởng này thành các hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, tăng cường sự hỗ trợ về tài chính cho các chủ thể tham gia phát triển các mô hình KNX. Theo đó, Nhà nước cần có thêm nhiều hỗ trợ cho các doanh nhân mới và các doanh nhân đang phát triển trong lĩnh vực KNX thông qua việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ,

các chương trình hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ kỹ thuật. Đặc biệt, cần phát huy một cách có hiệu quả các chương trình tín dụng xanh theo cơ chế chính sách của Nhà nước đã đề ra trong chiến lược phát triển các giai đoạn trước đó.

Thứ ba, nâng cao nhận thức và hiểu biết cho cộng đồng, người tiêu dùng và thị trường về các sản phẩm sinh thái, các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đồng thời, có chính sách khuyến khích các hộ gia đình tiêu dùng sản phẩm xanh, nhấn mạnh vào những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường đang xảy ra tại Việt Nam, cũng như các quốc gia khác.

Thứ tư, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động đầu tư và KNX. Đẩy mạnh hiệu quả của các trung tâm ươm tạo, vườn ươm khởi nghiệp nhằm hỗ trợ và kết nối cho các nhà KNX để thúc đẩy phát triển các ý tưởng và dự án đi đến thành công. Tăng cường thêm các câu lạc bộ hỗ trợ KNX sẽ giúp cho các nhà KNX có thể dễ dàng chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, kết nối và hỗ trợ ý tưởng cho nhau. Các hoạt động hội chợ thương mại và triển lãm tập trung vào các sản phẩm xanh, các sản phẩm về đổi mới sinh thái... cũng là những cơ hội tốt khuyến khích các mối liên kết chức năng giữa các bên có liên quan. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước (2015-2019). *Số liệu thống kê dư nợ tín dụng xanh, các năm 2015 đến 2019*
2. Diễn đàn Kinh tế thế giới - WEF (2018). *Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2016-2017*
3. Hoài Linh và cộng sự (2021). Tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và các khuyến nghị chính sách, *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ*, số 9/2021
4. Nguyễn Thị Minh Thương (2020). Thực trạng sử dụng đồ nhựa dùng một lần và một số yếu tố liên quan ở người dân TP. Huế năm 2020, *Tạp chí Y học dự phòng*, số 4
5. Fulvia, F., Marino, B., Sule, A., and Philipp, A (2011), Green Entrepreneurship: The missing link towards a green economy, *Covenant Journal of Entrepreneurship (CJoE)*, 1(1), 1-18
6. Global Entrepreneurship Research Association - GEM (2018). *Global Report 2017/18*, retrieved from <https://www.gemconsortium.org/report/gem-2017-2018-global-report>
7. OCED (2013). *Entrepreneurial Ecosystems and Growth-Oriented Entrepreneurship: Summary*, report of an international workshop organised by the OECD and the Netherlands Ministry of Economic Affairs
9. Meek, W. R., Pacheco, D. F., York, J. G (2010). The impact of social norms on entrepreneurial action: Evidence from the environmental entrepreneurship context, *Journal of Business Venturing*, 25(5), 493-509
10. Newton, L. H. (2005). *Business Ethics and the Natural Environment*, Blackwell Publishing, Oxford, U. K
11. Pastakia, A. (1998). Grass-roots Ecopreneurs: Change Agents for a Sustainable Society, *Journal of Organizational Change Management*, 11(2), 157-173
12. Berle, A., Means, G. (1991). *The Modern Corporation and Private Property*. Transaction Publishers, Piscataway